

Số: **993** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **19** tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý, vận hành, cung cấp và sử dụng thông tin trên Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Đắk Nông**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 49/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin cơ sở;

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, hoạt động của đài truyền thanh cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 43/TTr-STTTT ngày 11 tháng 7 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý, vận hành, cung cấp và sử dụng thông tin trên Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Đắk Nông.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KGVX (H).

**CHỦ TỊCH**



*[Chữ ký]*  
**Hồ Văn Mười**

## QUY CHẾ

### Phối hợp quản lý, vận hành, cung cấp và sử dụng thông tin trên Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Đắk Nông

(Kèm theo Quyết định số: **993** /QĐ-UBND ngày **19** /8/2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

## Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về mục đích, nguyên tắc, phương thức phối hợp, nội dung, hình thức thông tin, việc đảm bảo cơ sở vật chất, an toàn an ninh thông tin, đảm bảo các điều kiện hoạt động và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ phối hợp quản lý, vận hành, cung cấp và sử dụng thông tin trên Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Đắk Nông (viết tắt là HTTT nguồn tỉnh).

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Sở Thông tin và Truyền thông; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa (UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) và cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ phối hợp quản lý, vận hành, cung cấp và sử dụng thông tin trên HTTT nguồn tỉnh.

### Điều 3. Quy định chung

1. HTTT nguồn tỉnh là hệ thống thông tin được thiết lập để cung cấp thông tin nguồn cho đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông (viết tắt là CNTT-VT) của tỉnh. Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh còn có chức năng thu thập tổng hợp, phân tích, quản lý dữ liệu, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

2. Đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT là đài truyền thanh cấp xã sử dụng phương thức truyền đưa tín hiệu âm thanh, dữ liệu trên hạ tầng viễn thông, Internet. Đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT là một thành phần của hệ thống truyền thanh ứng dụng CNTT-VT của tỉnh.

3. Bảng tin điện tử công cộng bao gồm màn hình Led, Bộ xử lý nội dung, Bộ xử lý hình ảnh. Căn cứ điều kiện thực tế, bảng tin điện tử công cộng có tính năng tra cứu thông tin thiết yếu, được kết nối với HTTT nguồn tỉnh theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Thông tin nguồn là bản tin dưới dạng dữ liệu số do các cơ quan, tổ chức ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện cung cấp và được quản lý, lưu giữ trên HTTT nguồn.



#### **Điều 4. Mục đích phối hợp**

1. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quản lý, vận hành HTTT nguồn tỉnh nhằm khai thác hiệu quả và đảm bảo an toàn cho HTTT nguồn tỉnh.

2. Tăng cường trách nhiệm và tính chủ động của các cơ quan, đơn vị trong công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh thông qua hệ thống thông tin cơ sở.

#### **Điều 5. Nguyên tắc phối hợp**

1. Việc phối hợp quản lý, vận hành cung cấp và sử dụng thông tin trên HTTT nguồn tỉnh thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm đảm bảo an toàn và khai thác hiệu quả HTTT nguồn. Ứng dụng công nghệ số để phục vụ có hiệu quả hoạt động quản lý, vận hành, cung cấp và sử dụng thông tin trên HTTT nguồn tỉnh.

2. Đảm bảo sự chủ động của cơ quan chủ trì và sự phối hợp thường xuyên, kịp thời của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong công tác quản lý, vận hành, cung cấp và sử dụng thông tin trên HTTT nguồn.

3. Việc cung cấp và sử dụng đăng phát nội dung thông tin trên HTTT nguồn thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

4. Thông tin, tuyên truyền được cung cấp qua HTTT nguồn phải đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có trọng tâm, trọng điểm theo từng giai đoạn.

### **Chương II**

#### **NỘI DUNG, HÌNH THỨC THÔNG TIN, MỨC ĐỘ ƯU TIÊN CỦA BẢN TIN, PHƯƠNG THỨC PHỐI HỢP**

#### **Điều 6. Nội dung thông tin**

1. Thông tin về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của cấp ủy, chính quyền địa phương, những sự kiện quan trọng liên quan đến người dân ở địa phương.

2. Những thông tin liên quan đến người dân ở địa phương:

a) Thông tin về dự án, chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, an sinh xã hội ở địa phương.

b) Thông tin liên quan đến chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Thông tin liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và công tác quân sự ở địa phương.

d) Thông tin về phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn; hỏa hoạn; cấp cứu, dịch bệnh; thảm họa xảy ra ở địa phương hoặc có ảnh hưởng đến địa phương.

đ) Thông tin về gương người tốt, việc tốt, nhân tố mới, điển hình tiên tiến trong các lĩnh vực.

e) Thông tin về các biện pháp đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

g) Thông tin về sản phẩm, dịch vụ cần thiết phục vụ sản xuất và đời sống của người dân ở địa phương.

3. Những thông tin khác theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin và quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

### **Điều 7. Hình thức thông tin**

1. Hình thức thông tin được chia sẻ, cung cấp cho đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT là các bản tin hoàn chỉnh theo các hình thức sau:

a) Bản tin ký tự: Bản tin điện tử thể hiện nội dung bằng các ký tự.

b) Bản tin âm thanh: Bản tin điện tử thể hiện nội dung bằng dữ liệu âm thanh.

2. Hình thức thông tin được cung cấp, chia sẻ, đăng phát trên bảng tin điện tử công cộng dạng chữ viết, video (có phụ đề bằng chữ), hình ảnh, đồ họa thông tin (infographics) đã được biên soạn hoàn chỉnh thành các loại: bản tin ký tự, bản tin hình ảnh, bản tin đồ họa.

### **Điều 8. Mức độ ưu tiên của bản tin**

HTTT nguồn gửi đến đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT các loại tin theo mức độ ưu tiên từ cao xuống thấp như sau:

1. Bản tin khẩn cấp: Bản tin được HTTT nguồn tỉnh gửi đến đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT để phát ngay trong các tình huống khẩn cấp (quốc phòng, an ninh; phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn; hỏa hoạn; cấp cứu, dịch bệnh; thảm họa xảy ra tại địa phương...).

Trong trường hợp đặc biệt, khi HTTT nguồn tỉnh nhận được yêu cầu của HTTT nguồn Trung ương về việc phát bản tin khẩn cấp trên đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT, HTTT nguồn tỉnh sẽ ưu tiên phát ngay bản tin khẩn cấp để truyền tải nội dung khẩn cấp lên đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT tuyên truyền đến Nhân dân.

2. Bản tin ưu tiên: Bản tin được HTTT nguồn tỉnh gửi đến đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT để phát trong chương trình theo thứ tự ưu tiên: Bản tin cấp tỉnh, bản tin cấp huyện, bản tin cấp xã.

Trường hợp bản tin ưu tiên của Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện trùng với lịch phát bản tin ưu tiên của cấp xã thì Chủ tịch UBND cấp xã chủ động quyết định thứ tự phát các bản tin ưu tiên theo yêu cầu thực tế.

3. Bản tin thông thường: Bản tin được HTTT nguồn tỉnh gửi đến đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT để Chủ tịch UBND cấp xã chủ động lựa chọn phát theo lịch phát thanh.



## **Điều 9. Nhiệm vụ thực hiện**

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin theo đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông; cung cấp thông tin thường xuyên, đột xuất khi có các sự kiện quan trọng, thông tin có tính chất khẩn cấp; cung cấp thông tin theo nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Cung cấp và sử dụng thông tin trên HTTT nguồn:

- Cung cấp thông tin để sản xuất dữ liệu nội dung.
- Trực tiếp sản xuất nội dung dữ liệu thông tin, cập nhật dữ liệu thông tin trên HTTT nguồn.

- Sử dụng dữ liệu thông tin HTTT nguồn để đăng phát trên đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT và bảng tin điện tử công cộng.

3. Cung cấp thông tin, đăng phát trên đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT

a) UBND cấp huyện giao cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông cấp huyện thường xuyên cung cấp dữ liệu thông tin trên HTTT nguồn tỉnh để phát trên đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT trên địa bàn đối với bản tin ký tự, bản tin âm thanh đảm bảo chất lượng theo quy định.

b) UBND cấp xã tổ chức sản xuất bản tin của cấp xã; tiếp nhận các bản tin gửi đến từ HTTT nguồn tỉnh để đăng phát trên đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT theo mức độ ưu tiên quy định tại Điều 8 Quy chế này.

4. Cung cấp thông tin, đăng phát trên bảng tin điện tử công cộng được kết nối với HTTT nguồn

UBND cấp huyện giao cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông cấp huyện (nơi có bảng tin điện tử công cộng kết nối với HTTT nguồn tỉnh) chủ động thiết kế bản tin đảm bảo chất lượng, cung cấp dữ liệu thông tin trên HTTT nguồn tỉnh để đăng phát lên bảng tin điện tử công cộng tại địa phương.

5. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động trao đổi, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong các hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động, đảm bảo an toàn thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp HTTT nguồn tỉnh.

## **Điều 10. Thời gian vận hành đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT, bảng tin điện tử công cộng**

1. Đối với đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT, thời gian vận hành hằng ngày thực hiện theo quy định của địa phương, có thể ưu tiên vào các khung giờ:

- Buổi sáng: Từ 05 giờ 00 phút đến 06 giờ 30 phút.

- Buổi chiều: Từ 17 giờ 00 phút đến 18 giờ 30 phút.

Ngoài khung giờ trên, cơ quan có thẩm quyền tại địa phương chỉ đạo sắp xếp thời gian vận hành phù hợp với tình hình thực tế.





2. Đối với bảng tin điện tử công cộng, thời gian vận hành hằng ngày (bao gồm cả ngày lễ, tết, thứ Bảy, Chủ nhật):

- Buổi sáng: Từ 05 giờ 00 phút đến 07 giờ 00 phút.

- Buổi chiều, tối: Từ 17 giờ 00 phút đến 22 giờ 00 phút.

Ngoài khung giờ trên, bảng tin điện tử công cộng đăng phát trong trường hợp khẩn cấp, đột xuất hoặc khi diễn ra các sự kiện quan trọng.

### **Chương III**

## **CÔNG TÁC QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN NGUỒN**

### **Điều 11. Đảm bảo cơ sở vật chất, an toàn an ninh thông tin**

1. HTTT nguồn tỉnh được cài đặt, lưu trữ tại trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh (do Trung tâm Dữ liệu Công nghệ và Truyền thông quản lý).

2. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Thông tin và Truyền thông giao nhiệm vụ/đặt hàng cho Trung tâm Dữ liệu Công nghệ và Truyền thông thực hiện quản lý, vận hành HTTT nguồn tỉnh. Cơ quan quản lý, vận hành chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp kỹ thuật đảm bảo hoạt động an toàn, ổn định cho HTTT nguồn; đảm bảo an toàn an ninh thông tin; thực hiện việc sao lưu dữ liệu thường xuyên, đảm bảo đúng quy định.

3. Cơ quan, đơn vị, cá nhân được cấp tài khoản để thực hiện nhiệm vụ trên HTTT nguồn tỉnh có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ tài khoản đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, chịu trách nhiệm trong trường hợp để xảy ra sự cố có liên quan đến thông tin truy cập tài khoản quản trị hệ thống.

4. Các cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ trên HTTT nguồn tỉnh phải tuân thủ theo Điều 7 Luật An toàn thông tin mạng năm 2015, Điều 8 Luật An ninh mạng năm 2018. Khi phát hiện có sự cố mất an toàn thông tin trên hệ thống thiết bị phải kịp thời báo cho cơ quan quản lý, vận hành để phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xử lý theo quy định pháp luật.

5. HTTT nguồn tỉnh phải được kết nối với HTTT nguồn của Trung ương và các thiết bị đầu cuối: cụm loa truyền thanh ứng dụng CNTT-VT, bảng tin điện tử công cộng.

### **Điều 12. Đảm bảo các điều kiện hoạt động cho HTTT nguồn tỉnh**

1. Đơn vị quản lý (Trung tâm Dữ liệu Công nghệ và Truyền thông) có trách nhiệm quản lý, vận hành HTTT nguồn tỉnh và phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, đánh giá tình trạng hoạt động của HTTT nguồn tỉnh định kỳ, đề xuất kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng, cập nhật, nâng cấp theo quy định.

2. Hằng năm, đơn vị quản lý (Trung tâm Dữ liệu Công nghệ và Truyền thông) xây dựng dự toán kinh phí gửi Sở Thông tin và Truyền thông để gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí đảm bảo các hoạt động của HTTT nguồn tỉnh.



3. Nguồn kinh phí đảm bảo cho HTTT nguồn tỉnh hoạt động ổn định được sử dụng từ ngân sách Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

**Điều 13. Thành lập Ban biên tập Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Đắk Nông**

Giao Sở Thông tin và Truyền thông thành lập Ban biên tập HTTT nguồn tỉnh, thực hiện nhiệm vụ cập nhật thông tin thường xuyên lên HTTT nguồn tỉnh; hướng dẫn các địa phương tổ chức bộ phận biên tập để cung cấp thông tin cho HTTT nguồn tỉnh.

**Chương IV  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 14. Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về hoạt động của HTTT nguồn tỉnh; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo về quản lý, bảo trì, đảm bảo an toàn thông tin, vận hành, khai thác và sử dụng HTTT nguồn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện cung cấp, sử dụng, quản lý thông tin trên HTTT nguồn tỉnh; kiểm tra, đánh giá chất lượng thông tin, hiệu quả hoạt động của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT và bảng tin điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh.

3. Định hướng, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị cung cấp nội dung thông tin cụ thể, phù hợp với từng thời điểm tuyên truyền, đáp ứng yêu cầu thông tin.

4. Chủ động phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các bản tin thông báo khẩn cấp về tình hình thiên tai, dịch bệnh... trên phạm vi toàn tỉnh.

5. Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức thẩm định các bản tin phản ánh về những vấn đề lớn, phức tạp, nhạy cảm trước khi đăng phát.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương đặt hàng sản xuất, cung cấp các bản tin phù hợp với mục đích, yêu cầu thông tin, tuyên truyền trong từng thời điểm để phát trên đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT và bảng tin điện tử công cộng trong phạm vi phù hợp với từng đối tượng tiếp nhận thông tin (nếu có).

7. Định kỳ thực hiện việc sao lưu dữ liệu, thông tin đăng tải trên HTTT nguồn tỉnh theo quy định của pháp luật về lưu trữ thông tin.

8. Chủ trì tiếp nhận thông tin, xử lý sự cố về kỹ thuật, an ninh thông tin liên quan đến HTTT nguồn tỉnh; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, đề xuất phương án bảo trì, nâng cấp, sửa chữa, bảo dưỡng đảm bảo HTTT nguồn tỉnh hoạt động ổn định.

9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tập huấn biên soạn bản tin thông tin cơ sở cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ liên quan.

**Điều 15. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy**

1. Chủ động cung cấp thông tin cho Sở Thông tin và Truyền thông về kết quả công tác xây dựng Đảng trên các lĩnh vực; định hướng dư luận xã hội; đấu

tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch (trừ các nội dung nhạy cảm và bí mật nhà nước theo quy định) và các nội dung khác theo quy định pháp luật về thông tin cơ sở.

2. Cung cấp Bản tin thông tin cơ sở bản điện tử để đăng tải lên HTTT nguồn tỉnh (nếu có).

### **Điều 16. UBND cấp huyện**

1. Cung cấp thông tin lên HTTT nguồn tỉnh cho đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT, bảng tin điện tử công cộng trên địa bàn huyện, thành phố theo nội dung, hình thức, mức độ ưu tiên, phương thức quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Quy chế này.

2. Quản lý, kiểm tra, đánh giá chất lượng thông tin, hiệu quả hoạt động của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT, bảng tin điện tử công cộng trên địa bàn huyện, thành phố.

3. Thực hiện việc cung cấp thông tin lên HTTT nguồn tỉnh, sắp xếp khung giờ cố định để chủ động đăng, phát thông tin.

4. Hằng năm, bố kinh phí đảm bảo duy trì hoạt động của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT, bảng tin điện tử công cộng trên địa bàn huyện, thành phố.

5. Khi xảy ra sự cố về kỹ thuật, an ninh thông tin, kịp thời thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông trong thời gian sớm nhất để xử lý.

### **Điều 17. UBND cấp xã**

Trực tiếp quản lý, khai thác, vận hành đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT; chỉ đạo xây dựng bản tin và tiếp nhận, phát thanh bản tin của HTTT nguồn tỉnh theo mức độ ưu tiên nêu tại Điều 8 Quy chế này; bảo đảm việc duy trì hoạt động liên tục, hiệu quả của đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT.

### **Điều 18. Tổ chức thực hiện, chế độ báo cáo**

1. Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này. Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi báo cáo định kỳ về Sở Thông tin và Truyền thông (trước ngày 20/6 và trước ngày 20/12 hằng năm) hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện Quy chế này; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi về UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 30/6 và 30/12 hằng năm. /sb